

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-PT
Ngày 14-12-2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định: Bà Mai Thị Bích Huyền
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2021/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 165/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị Thu H, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Số 510 đường T, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Mai Xuân Thu N, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Xóm 4, xã Ng, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Anh N có mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lương

Thị Thu Hà trình bày: Chị và anh Mai Xuân Thu N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 31-12-2008 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên chửi bới xúc phạm chị và không quan tâm chăm sóc con chung, vợ chồng ly thân từ tháng 12-2019 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N. Về con chung: Chị và anh Mai Xuân Thu N có hai con chung là Mai Xuân T sinh ngày 22-01-2010 và Mai Công Th sinh ngày 04-04-2015, hiện cả hai con đang ở với anh N. Nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Mai Xuân Thu N trình bày: Anh và chị Lương Thị Thu H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N như chị H đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc tuy nhiên từ năm 2019 đến nay chị H tự ý bỏ đi khỏi nhà, đoạn tuyệt với gia đình, bỏ mặc chồng con. Mặc dù anh đã cố gắng động viên hàn gắn nhưng chị H khước từ. Từ khi bỏ đi đến nay anh và chị H không chung sống với nhau về tất cả phương diện. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H quyết tâm xin ly hôn nên anh thuận tình ly hôn. Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung là Mai Xuân T sinh ngày 22-01-2010 và Mai Công Th sinh ngày 04-04-2015. Sau khi chị H bỏ nhà đi thì hiện cả hai con đang được anh trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, anh yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 37/2021/HNGĐ-ST ngày 09-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định đã quyết định: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Xử cho ly hôn giữa chị Lương Thị Thu H và anh Mai Xuân Thu N. Giao con chung Mai Xuân T sinh ngày 22-01-2010 cho anh Mai Xuân Thu N tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung Mai Công Th sinh ngày 04-4-2015 cho chị Lương Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lương Thị Thu H và anh Mai Xuân Thu N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh Mai Xuân Thu

N có nghĩa vụ giao con chung Mai Công Th cho chị H nuôi dưỡng. Chị Lương Thị Thu H và anh Mai Xuân Thu N đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28-7-2021 anh Mai Xuân Thu N có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định hủy bản án sơ thẩm, làm rõ chị Lương Thị Thu H còn sống hay đã chết; yêu cầu giải quyết cho anh được nuôi hai con chung và yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ chung của vợ chồng. Đề nghị xem xét tài liệu liên quan để làm rõ quyền lợi về con cái và tài sản của anh đồng thời xem xét trách nhiệm của Tòa án, Viện kiểm sát trong việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Lương Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như quyết định của bản án sơ thẩm; Anh Mai Xuân Thu N giữ nguyên nội dung kháng cáo, không đồng ý ly hôn, nếu chị H quyết tâm xin ly hôn thì anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Ngoài ra anh đề nghị HĐXX xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu thu thập lưu hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Xác định quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/HNGĐ-ST ngày 09-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định đã giải quyết là có căn cứ pháp lý. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh Mai Xuân Thu N, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của anh Mai Xuân Thu N làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 BLTTDS nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[1.2] Xác định về thẩm quyền giải quyết vụ án: Trong vụ án này, bị đơn có địa chỉ, hộ khẩu thường trú tại xã Ng, huyện N, tỉnh Nam Định. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[1.3] Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Chị Lương Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt chị Hà.

[2] Xét kháng cáo của anh Mai Xuân Thu N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Thu H và anh Mai Xuân Thu N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H do anh N không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên chửi bới xúc phạm chị và không quan tâm chăm sóc con chung. Anh N trình bày do chị H tự ý bỏ đi, đoạn tuyệt với gia đình, bỏ mặc chồng con. Cả hai đều xác nhận đã ly thân từ năm 2019 và không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và Anh N đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân Anh N tại cấp sơ thẩm cũng đồng ý ly hôn. Đến phiên tòa phúc thẩm Anh N không đồng ý ly hôn, tuy nhiên nếu chị H vẫn kiên quyết ly hôn thì anh không có ý kiến gì. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xử cho ly hôn giữa chị H và Anh N là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và Anh N xác nhận vợ chồng có hai con chung là Mai Xuân T sinh ngày 22-01-2010 và Mai Công Th sinh ngày 04-04-2015. Quá trình giải quyết ly hôn, chị H và Anh N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung. Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị H và Anh N đều là chính đáng, bản thân anh chị có với nhau hai con chung, thu nhập và điều kiện chăm sóc như nhau nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ về mọi mặt của việc nuôi dưỡng con chung cũng như bảo đảm quyền lợi của các cháu để có đủ điều kiện học tập, sinh hoạt nên giao cháu Mai Xuân T sinh ngày 22-01-2010 cho anh N tiếp nuôi dưỡng cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Tú; giao cháu Mai Công Th sinh ngày 04-4-2015 cho chị H nuôi dưỡng. Do mỗi người nuôi một con chung nên Anh N và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, yêu cầu kháng cáo xin được nuôi cả hai con chung của anh N sẽ không được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung: Tại đơn khởi kiện và quá trình tố

tụng tại cấp sơ thẩm, Anh N và chị H đều không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xem xét, giải quyết về tài sản chung và công nợ của vợ chồng. Do vậy Tòa án nhân dân huyện N không xem xét, giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm Anh N đề nghị xem xét giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng trong cùng vụ án ly hôn. Xét kháng cáo của Anh N vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 5 BLTTDS Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên quá trình thỏa thuận nếu các đương sự không thống nhất được với nhau mà vẫn xảy ra tranh chấp thì các đương sự vẫn có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[2.4] Đối với kháng cáo về việc thời hạn giải quyết vụ án: nguyên đơn khởi kiện ngày 03-3-2020 đến tháng 7-2021 Tòa án nhân dân huyện N đưa vụ án ra xét xử là có dấu hiệu vi phạm tố tụng. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Ngày 03-3-2020 chị H có đơn khởi kiện, ngày 06-3-2020 Tòa án nhân dân huyện N thụ lý vụ án. Tháng 9-2020 chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết và được thụ lý vào ngày 01-10-2020. Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố N xét vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết nên căn cứ Điều 39, Điều 41 BLTTDS Tòa án nhân dân thành phố N chuyển lại hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện N giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 05-01-2021 Tòa án nhân dân huyện N thụ lý lại vụ án nên thời hạn giải quyết vụ án được tính từ ngày 05-01-2021. Ngoài ra, vụ án có tính chất phức tạp, đương sự ở xa, triệu tập đôi khi còn không chấp hành và thời hạn giải quyết vụ án bao gồm thời hạn gia hạn chuẩn bị xét xử, do vậy căn cứ Điều 203 BLTTDS thì vụ án không vi phạm quy định về thời hạn giải quyết.

[2.5] Đối với kháng cáo của anh N đề nghị Tòa án làm rõ xem chị H còn sống hay đã chết, có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ năng lực pháp lý để Tòa án xét xử theo quy định không và đề nghị làm rõ trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên anh N không đưa ra được căn cứ chứng minh, không có kết luận của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến vụ án nên không được chấp nhận.

[3] Từ phân tích nêu trên cho thấy quyết định tại bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm anh N không xuất trình được chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, lý do kháng cáo là không có căn cứ. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của anh N không được chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên

anh Mai Xuân Thu N phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS. Không chấp nhận kháng cáo của anh Mai Xuân Thu N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 296 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lương Thị Thu H và anh Mai Xuân Thu N.

2. Về con chung chưa thành niên: Giao con chung Mai Xuân T sinh ngày 22-01-2010 cho anh Mai Xuân Thu N tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Mai Công Th, sinh ngày 04-4-2015 cho chị Lương Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lương Thị Thu H và anh Mai Xuân Thu N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh Mai Xuân Thu N có nghĩa vụ giao con chung Mai Công Th cho chị H nuôi dưỡng. Chị Lương Thị Thu H và anh Mai Xuân Thu N đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lương Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu tiền số 0001114 ngày 06-3-2020.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Mai Xuân Thu N phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000507 ngày 10/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định. Anh Mai Xuân Thu N đã nộp đủ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Cảnh